

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 529/2025/DS-PT

Ngày: 29.8.2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Lâm

Bà Phan Thị Hồng Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 297/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông **Lê Tiến D**, sinh năm 1968 (có mặt).

2. Bà **Lê Thị Hồng D1**, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường số A, khu tái định cư M, phường T, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Đào Đăng L**, sinh năm 1975. Địa chỉ: số I, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số A, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người kháng cáo: ông Hoàng Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông D, bà D1 trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau: vợ chồng ông có cho ông Hoàng Văn Đ vay tiền, cụ thể: Ngày 13/07/2023 bà D1 cho

ông Đ vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng (có biên nhận); Ngày 10/01/2024 ông D cho ông Đ vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng (có biên nhận). Nay do ông Đ không thực hiện việc trả lãi suất và tiền vay, nên ông, bà có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền vốn và lãi tổng cộng là 360.000.000 đồng.

- Ông Đào Đăng L yêu cầu khởi kiện như sau: ông có cho ông Hoàng Văn Đ vay số tiền vốn 279.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản), lãi suất 5%/tháng. Nay ông Đ không thực hiện việc trả lãi suất và tiền vay, nên ông khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền vốn và lãi tổng cộng là 334.800.000 đồng.

* Trước yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông D, bà D1, ông L thì ông Đ có ý kiến như sau: Ông thừa nhận có vay của vợ chồng ông D số tiền gốc 100.000.000 đồng, vay của bà D1 số tiền gốc 200.000.000 đồng và vay của ông L số tiền gốc 268.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng thời gian vay có đóng tiền lãi cho các nguyên đơn và tiền lãi cao hơn so với quy định nên yêu cầu được khấu trừ lại các khoản tiền lãi đã đóng trước đây, cụ thể: đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng vay ông D, bị đơn ông Đ cho rằng đã trả tiền lãi 10.000.000 đồng và chuyển khoản cho ông D 50.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng vay bà D1, bị đơn ông Đ cho rằng đã trả tiền lãi 110.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc 268.000.000 đồng vay ông L, bị đơn ông Đ cho rằng đã chuyển trả 38.000.000 đồng nên tiền gốc chỉ còn 230.000.000 đồng và lãi suất 26.158.000 đồng.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử công khai. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2) xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Tiến D, bà Lê Thị Hồng D1 và ông Đào Đăng L

1.1. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Tiến D và bà Lê Thị Hồng D1 tổng số tiền 321.545.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Đào Đăng L tổng số tiền 303.440.000 đồng (ba trăm lẻ ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 06/3/2025, ông Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm: đề nghị chấp nhận khoản tiền lãi ông đã đóng cho vợ chồng ông D, bà D1 170.000.000đồng không phải 60.000.000đ như án sơ thẩm; khoản nợ vay của ông L chỉ vay 268.000.000đ, đã trả 38.000.000đ, còn nợ 230.000.000đ mà buộc trả 268.000.000đ là không đúng và công nhận đã đóng lãi được 38.000.000đ, nhưng án sơ thẩm cho rằng đóng lãi chỉ 13.000.000đ là không đúng

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, qua các văn bản trả lời của Ngân hàng có căn cứ xác định ông Đ có chuyển khoản tiền cho ông D, ông L như ông Đ trình bày là đúng, do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: bị đơn ông Đ được vắng mặt nhưng có người đại diện nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đ:

[2.1] Đối với khoản lãi đã đóng cho vợ ông chồng ông D, bà D1:

[2.1.1] Quá trình vay ông Đ cho rằng đã đóng lãi cho vợ chồng ông D được 170.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, vợ chồng ông D thừa nhận có nhận 60.000.000đồng, còn 110.000.000đ thì không có nhận. Phía bị đơn ông Đ cho rằng đã chuyển khoản 09 lần 110.000.000đồng vào tài khoản của ông D, ông D không thừa nhận, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/7/2025 đã tạm ngừng để thu thập chứng cứ về thông tin chuyển khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh C. Tại văn bản số 792 ngày 19/8/2025 của Ngân hàng trả lời như sau: tài khoản 1014964254, số căn cước công dân: 036068001490 tên Lê Tiến D vào các ngày có nhận tiền chuyển khoản từ tài khoản Hoàng Văn Đ mở tại Ngân hàng B:

-Ngày 14/8/2023 số tiền chuyển khoản 10.000.000đ, TK Thẻ 1014964254

- Ngày 14/9/2023 số tiền chuyển khoản 10.000.000đ, TK Thẻ 1014964254
- Ngày 16/10/2023 số tiền chuyển khoản 10.000.000đ,TK Thẻ 1014964254
- Ngày 15/11/2023 số tiền chuyển khoản 10.000.000đ,TK Thẻ 1014964254
- Ngày 15/12/2023 số tiền chuyển khoản 10.000.000đ,TK Thẻ 1014964254
- Ngày 16/02/2024 số tiền chuyển khoản 15.000.000đ,TK Thẻ 1014964254
- Ngày 16/4/2024 số tiền chuyển khoản 15.000.000đ, TK Thẻ 1014964254
- Ngày 15/5/2024 số tiền chuyển khoản 15.000.000đ, TK Thẻ 1014964254.

Đối với ngày 15/3/2024 chưa có thông tin, tuy nhiên, đối chiếu sao kê từ Ngân hàng B thì ngày 15/3/2024 thì ông Đ có chuyển khoản cho ông D vào số TK 1014964254 số tiền 15.000.000đ (bút lục 129). Tại phiên tòa, ông D xác định đúng số tài khoản và số căn cước công dân đúng là của ông, ông có nhận khoản tiền này nhưng là tiền lời hùn vốn 300.000.000đ đưa cho ông Đ làm ăn. Do đó, có căn cứ xác định các khoản vay của vợ chồng ông D thì ông Đ đã đóng lãi được 170.000.000đồng. Vì vậy, kháng cáo của ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.1.2] Lãi suất được tính lại như sau:

- Đối với khoản vay 200.000.000đồng, cấp sơ thẩm tính từ ngày vay 13/7/2023 là có căn cứ. Do các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng với mức 5%/tháng là cao so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 20%/năm, tuy nhiên, ông D, bà D1 cũng thống nhất tính theo quy định 1,6%/tháng là phù hợp quy định. Thời gian vay từ ngày 13/7/2023 đến nay 28/8/2025 là 25 tháng, 15 ngày $\times 1,6\%/tháng \times 200.000.000đ = 81.600.000đ$.

- Đối với khoản vay 100.000.000đồng, cấp sơ thẩm tính từ ngày vay 10/01/2024 là có căn cứ. Do các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng với mức 5%/tháng là cao so với quy định, ông D, bà D1 cũng thống nhất tính theo quy định 1,6%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời gian vay từ ngày 10/01/2024 đến nay 28/8/2025 là 19 tháng, 18 ngày $\times 1,6\%/tháng \times 100.000.000đ = 31.360.000đ$. Tổng cộng hai khoản lãi là 112.960.000đ. Ông Đ đã đóng 170.000.000đồng là vượt khoản lãi đã đóng 57.040.000đ nên trừ vào vốn là đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Đ chỉ còn phải trả vốn cho ông D, bà D1 $300.000.000đ - 57.040.000đ = 242.960.000đ$. Và phải trả lãi tiếp theo từ ngày 29/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

[2.2] Đối với khoản vay của ông L:

[2.2.1] Các bên thừa nhận ông L cho ông Đ vay nhiều lần qua chuyển khoản, ông L thừa nhận nên có căn cứ xác định ông L cho ông Đ vay số tiền 268.000.000đ. Tuy nhiên, phía ông Đ cho rằng ông có trả cho L 38.000.000đ và các bên đã chốt nợ, thể hiện qua tin nhắn zalo giữa ông L và ông Đ ngày 23/7/2024. Tại phiên tòa ngày 15/7/2025 và hôm nay, phía ông L thừa nhận bản chụp hội thoại tin nhắn zalo giữa ông và ông Đ nhắn tin qua lại mà ông Đ cung cấp

cho Tòa thì chính là đoạn nói chuyện giữa ông và ông Đ, theo nội dung tin nhắn ngày 23/7/2024 (bút lục 04) thì phía ông L chốt nợ với ông Đ “*Tổng thiếu là 230tr tiền lời của tháng này 13tr ông điện cho vợ ông sáng mai tôi (L) lên lấy không trả gốc thì phải trả tiền lời hàng tháng để tôi còn gửi cho người ta...*” . Tại phiên tòa ông L cho rằng chốt tiền 230.000.000đ là tiền ông mượn người khác cho ông Đức M, còn khoản 38.000.000đ là tiền của ông, nhưng cũng không thể hiện số tiền 38.000.000đ mà ông Đ còn nợ, thời điểm chốt nợ 230.000.000đ là sau thời điểm vay, do đó, xác định phía ông Đ còn nợ ông L 230.000.000đ. Vì vậy, kháng cáo ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Ông Đ cho rằng đã trả lãi cho ông L 04 lần tổng 27.300.000đ qua chuyển khoản và 13.000.000đ ông L thừa nhận đã nhận tiền mặt, nhưng ông L không thừa nhận số tiền 27.300.000đ mà ông Đ chuyển khoản, chỉ nhận 13.000.000đ tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/7/2025 đã tạm ngừng để thu thập chứng cứ về thông tin chuyển khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh C. Tại văn bản số 792 ngày 19/8/2025 và số 720 ngày 24/7/2025 của Ngân hàng trả lời như sau: tài khoản 0111000903895, tên Đào Đặng L1 vào các ngày có nhận tiền chuyển khoản từ tài khoản Hoàng Văn Đ mở tại Ngân hàng hàng B:

- Ngày 27/02/2024 số tiền ghi có 3.000.000đ, TK 0111000903895
- Ngày 23/3/2024 số tiền chi có 5.000.000đ, TK 0111000903895
- Ngày 11/5/2024 số tiền ghi có 15.300.000đ, TK 0111000903895
- Ngày 25/5/2024 số tiền ghi có 4.000.000đ, TK 0111000903895. Do đó, có căn cứ xác định ông Đ đã chuyển khoản cho ông L1 27.300.000đ là tiền lãi.

[2.2.3] Về lãi suất cụ thể như sau: do ông L1 chuyển khoản nhiều lần đối với khoản vay 268.000.000đ từ ngày 19/02/2024 đến ngày 28/5/2024, tại phiên tòa, ông L1 và ông Đ thống nhất tính lãi từ ngày 15/4/2024 đối với số tiền vay. Lúc vay ban đầu 268.000.000đ nên tính lãi trên khoản tiền 268.000.000đ từ 15/4/2024 đến ngày 22/7/2024 (trước ngày chốt tiền vay 230.000.000đ theo tin nhắn zalo ngày 23/7/2024) là 03 tháng, 7 ngày. Từ ngày 23/7/2024 đến ngày 29/8/2025 trên số tiền 230.000.000đ là 13 tháng 6 ngày. Cụ thể:

- Số tiền 268.000.000đ x 1,6% tháng x 03 tháng, 07 ngày = 13.864.500đ
- Số tiền 230.000.000đ x 1,6% tháng x 13 tháng, 06 ngày = 48.576.000đ

Tổng cộng lãi: 62.440.500đ. Ông L1 đã nhận 13.000.000đ tiền mặt, chuyển khoản 27.300.000đ nên trừ lại, còn lãi phải trả 22.140.500đ. Tổng vốn và lãi ông Đ phải trả cho ông L1 252.140.500đ. Và phải trả lãi tiếp theo từ ngày 29/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là đúng quy định. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là chưa đúng một phần về vốn gốc đối với ông L1 và lãi nên sửa lại theo hướng nhận định trên.

[4] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đ phải chịu án phí trên số tiền trả cho các nguyên đơn.

- Nguyên đơn ông D, bà D1 phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận so với án sơ thẩm tuyên chênh lệch 78.585.000đ (321.545.000đ – 242.960.000đ).

- Nguyên đơn ông L1 phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận so với án sơ thẩm chênh lệch 51.299.500đ (303.440.000đ – 252.140.500đ).

[4.2] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đ được chấp nhận nên không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Tiến D, bà Lê Thị Hồng D1 và ông Đào Đăng L.

1.1. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Tiến D và bà Lê Thị Hồng D1 tổng số tiền 242.960.000đ. Ông Đ còn có nghĩa vụ phải trả lãi tiếp theo từ ngày 29/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

1.2. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Đào Đăng L tổng số tiền 252.140.500đ. Ông Đ còn có nghĩa vụ phải trả lãi tiếp theo từ ngày 29/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

2. Về án phí:

2.1. Sơ thẩm:

- Ông Hoàng Văn Đ phải chịu 23.804.000đ.

- Ông D, bà D1 phải chịu 3.929.000đ, nguyên đơn ông L phải chịu 2.565.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã đóng là 5.879.000đ theo biên lai

thu số 0001223 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ), các nguyên đơn ông D, bà D1, ông L còn phải đóng thêm 615.000đ.

2.2. Dân sự phúc thẩm: Ông Đ được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0000056 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TPCT;
- TAND khu vực 2 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh